

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày tháng năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án Công viên An Thái, Nhơn Phúc

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 1147/STNMT-CCBVMT ngày 19/04/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Công viên An Thái, Nhơn Phúc;*

*Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Công viên An Thái, Nhơn Phúc đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 05/UBND ngày 28/4/2023 của UBND xã Nhơn Phúc;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 555/TTr-STNMT ngày 19/5/2023.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Công viên An Thái, Nhơn Phúc (sau đây gọi là Dự án) của UBND xã Nhơn Phúc (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn An Thái, xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Phúc;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**CỦA DỰ ÁN CÔNG VIÊN AN THÁI, NHƠN PHÚC**  
(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày            /            /2023 của UBND tỉnh)

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Công viên An Thái, Nhơn Phúc.
- Địa điểm thực hiện: thôn An Thái, xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: UBND xã Nhơn Phúc.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

- Phạm vi: ranh giới thực hiện dự án thuộc thôn An Thái, xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Quy mô: đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trên khu đất diện tích khoảng 10.304,2 m<sup>2</sup>.

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án**

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: san nền, hệ thống thu gom và thoát nước mưa công viên, cấp nước và phòng cháy chữa cháy, hệ thống điện chiếu sáng kết hợp trang trí công viên, với diện tích trồng cỏ và cây xanh khoảng 5.370,2 m<sup>2</sup>.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: bể tự hoại 5 ngăn tập trung có thể tích 125 m<sup>3</sup>.

**1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích 10.304,2 m<sup>2</sup>.

**2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Hoạt động san nền: phát sinh bụi và khí thải từ các thiết bị thi công; có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặt khu vực dự án.

- Hoạt động thi công xây dựng: phát sinh nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

**3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án**

### 3.1. Nước thải, khí thải

#### 3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

##### a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,08 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 1 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

##### b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt của khu dân cư và khu tái định cư (theo Quyết định số 4854/QĐ-UBND ngày 31/05/2022 của UBND thị xã An Nhơn về việc phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư kết hợp tái định cư, thôn An Thái, xã Nhơn Phúc) với lưu lượng khoảng 45,7 m<sup>3</sup>/ngày sẽ được dẫn về bể tự hoại tập trung được xây dựng trên khu đất thực hiện dự án. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh,...

#### 3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi và khí thải từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S, VOC,...

### 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

#### 3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 5.150 kg. Thành phần chủ yếu là thực bì.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 3,09 - 5,15 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì xi-măng, ni lông,...

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường phát sinh với khối lượng khoảng 2.060 m<sup>3</sup>. Thành phần chủ yếu là đất, bùn.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 20,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

#### 3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động thi công xây dựng, chiếu sáng công trình và sửa chữa các phương tiện máy móc thiết bị thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối

lượng khoảng 15 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, các loại vật dụng nhiễm dầu thải (giẻ lau, bao tay, ...), dầu nhớt thải.

### 3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

### 3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến hiện trạng đa dạng sinh học tại khu vực dự án; tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự, an ninh xã hội khu vực dự án.

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

### 4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

#### 4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

##### a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 01 nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tại hố lắng để lắng cặn và tái sử dụng để đầm nền, rửa bánh xe của các phương tiện vận chuyển,...

##### b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn:

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

+ Dọc các lối đi nội bộ quy hoạch tuyến cống HDPE D200 để thu gom nước mưa.

+ Nước mưa được dẫn theo các tuyến cống BTLT D600 – D800 dọc theo các tuyến đường xung quanh dự án giúp tiêu thoát nước cho toàn bộ khu vực dự án.

- Nước thải sinh hoạt của khu dân cư và khu tái định cư theo quy hoạch được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ dân, sau đó được thu gom vào tuyến

ống chính bằng ống HDPE, đường kính D300 dọc tuyến đường giao thông nội bộ. Nước thải sau khi thu gom được tiếp tục xử lý theo phương án cụ thể như sau:

+ Giai đoạn đầu của dự án: Xây dựng bể tự hoại 5 ngăn tập trung có thể tích 125 m<sup>3</sup> phía Đông dự án Công viên An Thái, Nhơn Phúc; sau đó xả thải ra mương tiêu phía Đông, chảy về mương Tỉnh phía Nam và thoát ra sông Kôn.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại tại hộ gia đình (3 ngăn) → Bể tự hoại 5 ngăn tập trung → Mương tiêu thoát nước.

+ Về lâu dài: bể tự hoại 5 ngăn tập trung được xây dựng ở giai đoạn đầu sẽ chuyển đổi công năng thành trạm bơm để bơm nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của thị xã.

#### 4.1.2. Đối với bụi, khí thải

##### a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín, không để rơi vãi.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

##### b) Giai đoạn hoạt động

- Lát đá các lối đi nội bộ.

- Bố trí hệ thống cây xanh, đảm bảo tổng diện tích cây xanh cho toàn bộ khu vực dự án theo quy hoạch.

- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh lối đi nội bộ.

#### 4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

##### a) Giai đoạn thi công

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 02 thùng thu gom rác 120 lít có nắp đậy kín tại lán trại để thu gom rác và giảm thiểu mùi hôi phát sinh. Định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ: khối lượng khoảng 2.060 m<sup>3</sup> được tận dụng đổ vào diện tích trồng cỏ và cây xanh trong khu vực dự án.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 58, 66 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### b) Giai đoạn hoạt động

- Rác thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người dân tập thể dục, vui chơi, tham quan được đơn vị thu gom chất thải rắn trên địa bàn đến thu gom và vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

- Bố trí khu vực tập kết các phương tiện thu gom rác có diện tích 10 m<sup>2</sup> tại khu vực xây dựng bể tự hoại tập trung phía Đông dự án.

#### 4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (giai đoạn thi công)

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

#### 4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung (giai đoạn thi công)

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

#### 4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

##### 4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa

Thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

##### 4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Tổ chức thi công hợp lý, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

#### 4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

##### 4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

- Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

##### 4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

##### 4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh trong quá trình thi công, xây dựng

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.

+ 01 mẫu không khí xung quanh tại khu vực dân cư hiện trạng phía Bắc dự án. Tọa độ: X = 1.538.401; Y = 583.534 (tọa độ VN2000, múi chiếu 3 độ).

+ 01 mẫu không khí xung quanh tại khu vực trung tâm dự án. Tọa độ: X = 1.538.199; Y = 583.513 (tọa độ VN2000, múi chiếu 3 độ).

- Các chỉ tiêu giám sát: Tiếng ồn, bụi, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: khối lượng phát sinh, thành phần phát sinh, quá trình thu gom và lưu giữ.